TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:126/2019/HS-ST
Ngày 24-12-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Long

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 132/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 964/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

Vũ Văn Đ, sinh ngày 19 tháng 01 năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 4/342 MHX, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn D1 và bà Nguyễn Thị L1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: 03 tiền án chưa được xóa án tích (Bản án hình sự sơ thẩm số 399 ngày 22/12/2006 Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng xử 33 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Dâm ô với trẻ em"; Bản án sơ thẩm hình sự số 112 ngày 26/8/2010 Tòa án nhân dân quận LC, thành phố Hải Phòng xử 54 tháng tù về tôi "Trộm cắp tài sản"; Bản án sơ thẩm hình sự số 110 ngày 04/11/2014, Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Phòng xử 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"); nhân thân: 01 tiền án đã được xóa án tích (Bản án sơ thẩm hình sự số 65 ngày 06/3/2003 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử 15 tháng tù về tội "Cướp tài sản"); tạm giữ từ ngày 23/8/2019 đến ngày 30/8/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

Lê Văn T, sinh ngày 18 tháng 12 năm 1988 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 02/143 ĐP, phường NH, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không;

trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án chưa được xóa án tích (Bản án hình sự phúc thẩm số 221 ngày 25/4/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"); nhân thân: 01 tiền án đã được xóa án tích (Bản án hình sự sơ thẩm số 106 ngày Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"); tạm giữ từ ngày 23/8/2019 đến ngày 30/8/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

Nguyễn Minh T1, sinh ngày 30 tháng 5 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 253 NH, tổ 12, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T8 và bà Phùng Thị H1; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: 01 tiền án chưa được xóa án tích (Bản án hình sự sơ thẩm số 106 ngày 22/8/2012 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"); tạm giữ từ ngày 23/8/2019 đến ngày 30/8/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

Bùi Như T2, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1979 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 01/10 HDV, phường TL, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi Như H2 và bà Lê Thị N; có vợ là Vũ Thị Thanh T9; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 23/8/2019 đến ngày 30/8/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

Các bị hại:

Anh Thân Đức B, sinh năm 1981; trú tại: Phòng 103 – 50B ngõ 66 HTM, tổ 19 MD, quận CG, thành phố Hà Nội; vắng mặt

Anh Nguyễn Ngọc Đ1, sinh ngày 30/4/2001; trú tại: Số 46/10/40 QT, quận KA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Anh Đỗ Khắc D, sinh năm 1995; trú tại: Số 19 ngõ 43 DKT, phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội; vắng mặt

Anh Lê Đình L, sinh năm 1988; trú tại: Thôn 3, xã TS, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt

Anh Trần Văn T3, sinh năm 1994; trú tại: Số 19 ngõ 43 DKT, phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội; có mặt

Anh Trần Xuân T4, sinh năm 1989; trú tại: Số 19 ngõ 43 DKT, phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội; có mặt

Anh Nguyễn Hữu T5, sinh năm 1996; trú tại: Số 19 ngõ 43 DKT, phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội; vắng mặt

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn CH, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Anh Lương Văn C, sinh năm 1989, nơi cư trú: Xóm 9, HA, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

Anh Nguyễn Đức T6, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn TT, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người làm chứng:

Nguyễn Ngọc T7, Anh Lê Văn S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Do trước đây Vũ Văn Đ làm bốc vác tại bến xe Miền Tây nên phát hiện anh Nguyễn Ngọc Đ1 (sinh năm 2001, Đăng ký hộ khẩu: Xóm 4, NT, NS, Thanh Hóa) thường xuyên để 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 36G1-29415 ở gầm cầu thang của khu nhà trọ số 46/10/40 đường QT, quận KA thành phố Hải Phòng vào ban đêm, Đ đã nảy sinh trộm cắp chiếc xe máy trên và rủ Bùi Như T2 cùng trộm cắp vào đêm ngày 18 rạng sáng ngày 19/8/2019. T2 đồng ý và chuẩn bị kìm thủy lực để cắt khóa cửa, Đ chuẩn bị dây điện để đấu điện xe. Đến 21 giờ ngày 18/8/2019, Đ gọi điện rủ Lê Văn T tham gia trộm cắp cùng, T khi đó đang đi cùng với Nguyễn Minh T1 nên rủ T1 và báo cho Đ biết có T tham gia cùng. Đ đồng ý và giao nhiệm vụ cho T, T1 đến khu vực gần khu nhà trọ trên theo dõi nếu thấy vắng người thì gọi điện báo và cảnh giới để Đ, T2 thực hiện việc lấy trộm chiếc xe máy của anh Đ1. Đến 02 giờ 30 phút ngày 19/8/2019, T, T1 phát hiện khu vực nhà trọ trên không có người qua lại, liền điện di động báo cho Đ đến trộm cắp, còn T, T1 đứng lại cảnh giới. Nhận được tin, Đ chở T2 bằng xe máy Air Blade, BKS: 15B3-316.16 đến nhà số 46/10/40 QT. Tại đây, T2 dùng kìm thủy lực cắt khóa, mở cổng để Đ vào dắt chiếc xe Yamaha Exciter của anh Đ1 ra khỏi dãy nhà trọ, sử dụng dây điện đấu nối để nổ máy xe cùng T2 và T, T1 chạy khỏi hiện trường. Sau đó, Đ bán chiếc xe trên cho anh Lương Văn C - sinh năm 1989, nơi cư trú: CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng được số tiền 10.500.000 đồng. Đ chia cho T2 5.000.000 đồng, chia cho T và T1 mỗi người 500.000 đồng, số còn lại Đ tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 58 ngày 07/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng quận LC kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS: 36G1-29415 trên có trị giá 25.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 20/8/2019, Lê Văn T, Nguyễn Minh T1 gọi điện rủ Vũ Văn Đ đến khu vực khách sạn River gần cầu KA cùng nhau bàn đi Hà Nội trộm cắp xe máy và gọi điện rủ 01 đối tượng có tên là Định (hiện chưa xác định được lai lịch) làm nghề lái xe taxi cùng nhau tham gia trộm cắp. Sau đó, T

cùng Đ, T1 đi 01 xe máy Wave màu xanh, BKS: 37E1-485.35 của T đến khu vực gần cầu Thanh Trì, Hà Nội gặp Định và 01 nam giới là em của Định (hiện chưa xác định được lai lịch) đang chờ trên xe taxi của Định. Cả nhóm thống nhất đến khu vực ngõ 34 DKT, phường MD, quận CG, thành phố Hà Nội xem nhà ai có sơ hở thì trộm cắp. Đ lên xe ô tô do Định lái, còn T, T1 chở nhau bằng xe máy cả nhóm đi đến khu vực gần ngõ 34 DKT, thì Định để xe ô tô ngoài đường, cùng cả nhóm chia nhau đi vào trong khu vực ngõ 34 DKT. Khoảng 03 giờ ngày 21/8/2019, cả nhóm phát hiện tại nhà số 19 ngõ 43 DKT, có nhiều xe máy để ở trong sân nhưng cổng nhà không khóa. Tại đây, T1 dùng vam phá ổ khóa của 04 chiếc xe máy, để Đ lấy 01 xe máy Wave màu đỏ đen BKS: 17B1-632.49; T lấy 01 xe máy Wave màu trắng BKS: 23B1-465.14; Định lấy 01 xe máy Future BKS: 36R4-2677; em của Định lấy 01 xe máy Wave màu đen BKS: 20F1-178.28; còn T1 đi xe máy của T cả nhóm đi về quán nước gần cầu Thanh Trì gửi 03 xe vừa trộm cắp, sau đó cả nhóm đi xe máy của T và xe máy Wave màu trắng đến đường HTM tiếp tục tìm nhà sơ hở để trộm cắp.

Vụ thứ 3: Đến khoảng gần 05 giờ cùng ngày, cả nhóm phát hiện khu nhà số 50B/66 HTM, CG, Hà Nội tại gầm cầu thang có cửa sắt khóa bằng khóa dây, bên trong có 02 xe máy. T, Đ dùng 01 chiếc kìm cắt cáp cắt khóa, mở cổng, để đối tượng em của Định vào lấy ra 01 xe máy Wave màu xanh BKS: 36B6-234.21 và 01 xe Dream màu nâu BKS: 29X7-059.61 mang ra ngoài cho T đấu điện nổ máy, cả bọn mang xe đến gửi tại bãi xe ngã tư Như Quỳnh - Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Đến khoảng 12 giờ ngày 21/8/2019, cả nhóm mang 01 xe Wave màu đỏ đen, 01 xe Wave màu đen và 01 xe Dream về khu vực Đông Triều, Quảng Ninh bán cho người đàn ông tên Khiêm (chưa rõ nhân thân lai lịch) là bạn của T được số tiền 13.000.000 đồng. Sau đó, T1 và Đ mang 01 xe Wave màu xanh BKS: 36B6-234.21 bán cho anh Nguyễn Đức T6 - sinh năm 1983, nơi cư trú: Thanh Lương, VB, Hải Phòng được 4.900.000 đồng và 01 xe Wave màu trắng BKS: 23B1-465.14 cho anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1985, nơi cư trú: CH, VB, Hải Phòng được 4.900.000 đồng (Tổng cộng nhóm của Đ, T đã bán 05 chiếc xe máy trộm cắp được 22.800.000 đồng) chi phí đi lại, ăn uống, sinh hoạt hết 4.800.000 đồng. Số tiền còn lại tất cả thống nhất Đ, Đ1 và em của Đ1 mỗi người được hưởng 4.000.000 đồng, T và T1 mỗi người được hưởng 3.000.000 đồng.

Ngày 22/8/2019, các anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức T6 và Lương Văn C (là những người mua xe), do thấy nghi ngờ về nguồn gốc xe đã đến Phòng Cảnh sát hình sự - Công an TP Hải Phòng tự nguyện giao nộp số xe máy Wave màu trắng BKS: 23B1-465.14, xe Wave màu xanh BKS: 36B6-234.21 và xe Exciter BKS: 36G1-294.15 để điều tra làm rõ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 403 ngày 07/9/2019 của Hội đồng định giá quận CG kết luận: Tổng giá trị 06 chiếc xe máy bị mất ở trên có giá 84.650.000

đồng, cụ thể: chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ đen BKS: 17B1-632.49 đã qua sử dụng trị giá 10.500.000 đồng, chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu trắng BKS: 23B1-465.14 trị giá 18.800.000 đồng, chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Future X màu xám đen vàng BKS: 36R4-2677 trị giá 11.100.00 đồng, chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đen bạc BKS: 20F1-178.28 đã qua sử dụng trị giá 12.300.000 đồng; chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS: 36B6-234.21đã qua sử dụng trị giá 18.200.000 đồng và Chiếc xe nhãn hiệu Honda Dream màu nâu BKS: 29X7-059.61 đã qua sử dụng trị giá 13.750.000 đồng.

Ngày 23/8/2019, Vũ Văn Đ, Lê Văn T, Nguyễn Minh T1 và Bùi Như T2 bị bắt giữ theo lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Về dân sự: Anh Nguyễn Ngọc Đ1 là chủ sở hữu xe máy Exciter BKS: 36G1-294.15; anh Lê Đình L (sinh năm 1988, nơi cư trú: Xã Trường Sơn, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa) là chủ xe máy Wave BKS: 36B6-234.21; anh Nguyễn Hữu T5 (sinh năm 1996, ĐKNKTT: Số 47, tổ 17 phường NT, TP HG, tỉnh Hà Giang) là chủ xe Wave BKS: 23B1-465.14 và anh Đỗ Khắc D (sinh năm 1995, ĐKNKTT: TT, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa) là chủ xe máy Future BKS: 36R4-2677 đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì khác;

Anh Thân Đức B (sinh năm 1981, ĐKNKTT: P 103, nhà 50B, tổ 19 MD, CG, thành phố Hà Nội) là chủ xe máy Dream BKS: 29X7-059.61; anh Trần Xuân T4 (sinh năm 1989, ĐKNKTT: Thôn TK, xã TT, huyện TT, tỉnh Thái Bình) là chủ xe máy Wave BKS: 17B1-632.49 và anh Trần Văn T3 (sinh năm 1994, ĐKNKTT: Thôn TK, xã TT, huyện TT, tỉnh Thái Bình) là chủ xe máy Wave BKS: 20F1-178.28 đề nghị các bị can bồi thường thiệt hại về số tài sản đã bị mất theo kết luận định giá.

Các anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức T6 và Lương Văn C là những người mua xe của nhóm Đ đề nghị các bị can trả lại số tiền đã bỏ ra để mua xe.

Tại bản Cáo trạng số 129/CT-VKS-P3 ngày 27 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Vũ Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Bùi Như T2 về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản Cáo trạng đã nêu. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng; đồng thời phân tích hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điểm 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với Vũ Văn Đ; xử phạt: Từ 04 năm đến 05 năm tù.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với Lê Văn T, Nguyễn Minh T1; xử phạt mỗi bị cáo từ 42 tháng đến 48 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với Bùi Như T2, xử phạt: Từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về bồi thường dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho các bị hại giá trị tài sản theo kết luận định giá tài sản.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh:*

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Văn Đ, Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, Bùi Như T2 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

[3] Khoảng 21h00 ngày 19/8/2019, Vũ Văn Đ gọi điện rủ Lê Văn T tham gia trộm cắp tài sản, T đồng ý và rủ thêm Nguyễn Minh T1 tham gia. Sau khi rủ T và T1 tham gia, Đ tiếp tục rủ Bùi Như T2 tham gia trộm cắp. T đến khu vực đường QT, quận KA, thành phố Hải Phòng để cảnh giới, phát hiện nhà sơ hở để báo cho Đ đến, T2 chuẩn bị kìm thủy lực để cắt khóa cửa, Đ chuẩn bị đấu điện xe máy khi trộm cắp được. Khoảng 03 giờ ngày 19/8/2019, Vũ Văn Đ, Bùi Như T2, Lê Văn T, Nguyễn Minh T1 lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu đã lén lút, cùng nhau chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen, BKS 36G1-294.15 trị

giá 25.000.000 đồng của anh Nguyễn Ngọc Đ1 tại số nhà 46/10/40 QT, quận KA, thành phố Hải Phòng.

[4] Đến khoảng 03 giờ ngày 21/8/2019, Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, Vũ Văn Đ cùng 02 đối tượng khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tiếp tục cùng nhau trộm cắp 04 chiếc xe máy có tổng trị giá 52.700.000 đồng tại số nhà 19 ngõ 43 DKT, MD, CG, Hà Nội.

[5] Tiếp đến khoảng 04 giờ ngày 21/8/2019, Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, Vũ Văn Đ cùng 02 đối tượng khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tiếp tục cùng nhau trộm cắp 02 chiếc xe máy có tổng trị giá 31.950.000 đồng tại số nhà 50B/66 HTM, CG, Hà Nội.

[6] Do đó, các bị cáo Vũ Văn Đ, Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, Bùi Như T2 đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- *Về tình tiết định khung hình phạt:*

[8] Các bị cáo Vũ Văn Đ, Nguyễn Minh T1, Lê Văn T thực hiện 03 vụ trộm cắp chiếm đoạt 07 chiếc xe máy có tổng trị giá là 109.650.000 đồng nên bị xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự

[9] Đối với bị cáo Vũ Văn Đ nhân thân có 3 tiền án chưa được xóa, bị cáo đã tái phạm lại tiếp tục phạm tội nên phạm tội này là tái phạm nguy hiểm. Bị cáo Đ không có việc làm ổn định, 03 lần thực hiện việc trộm cắp tài sản, trước đó bị cáo đã có 03 tiền án chưa được xóa về hành vi thuộc nhóm tội chiếm đoạt tài sản nên theo hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự 1999 (hiện nay chưa có nghị quyết hướng dẫn thay thế) thì bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp; do đó, bị cáo Đ bị xét xử thêm theo điểm b, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[10] Đối với bị cáo Bùi Như T2 tham gia 01 vụ trộm cắp chiếm đoạt 01 chiếc xe máy có trị giá 25.000.000 đồng, bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên bị xét xử theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- *Về vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

+ Về vai trò:

[11] Trong vụ án này, bị cáo Vũ Văn Đ có vai trò cao nhất, là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, tham gia trộm cắp cả 03 vụ.

[12] Bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1 có vai trò thấp hơn bị cáo Đ, các bị cáo đều tham gia 03 vụ trộm cắp do bị cáo Đ rủ rê.

[13] Bị cáo Bùi Như T2 chỉ tham gia 01 vụ trộm cắp nên có vai trò thấp nhất trong vụ án.

+ Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[14] Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1 đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đều có 01 tiền án chưa được xóa lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Phạm tội 2 lần trở lên" và "Tái phạm" quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[15] Đối với bị cáo Vũ Văn Đ cũng đồng phạm với các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1 thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản nhưng bị cáo đã phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" nên Đ không áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 2 lần trở lên".

+ Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[16] Các bị cáo sau khi bị bắt đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[17] Bị cáo Bùi Như T2 nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt:

[18] Bị cáo Vũ Văn Đ có vai trò cao nhất, vi phạm nhiều tình tiết định khung tăng nặng nên phải chịu hình phạt cao nhất.

[19] Bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1 có vai trò ngang nhau nên mức hình phạt cũng ngang nhau, các bị cáo có nhân thân xấu, nhiều tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên mức hình phạt đối với các bị cáo phải trên mức khởi điểm của khung hình phạt.

[20] Bị cáo Bùi Như Tòan có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, hành vi của các bị cáo xảy ra trong thời gian dài, trên nhiều địa bàn, hình thành đường dây trộm cắp tài sản xuyên tỉnh nên cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian và xử phạt bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt mới đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

- *Về bồi thường dân sự:*

[21] + Các bị hại Lê Đình L (chủ xe máy Wave BKS 36B6-234.21); Nguyễn Hữu T5 (chủ xe máy Wave BKS 23B1-465.14); Đỗ Khắc D (chủ xe máy Future BKS 36R4-2677), Nguyễn Ngọc Đ1 (chủ xe Exciter BKS 36G1-294.15) đã nhận

lại được tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Đây là sự tự nguyện của các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[22] + Các bị hại Thân Đức B (chủ xe máy Dream BKS 29X7-059.61- trị giá 13.750.000 đồng); Trần Xuân T4 (chủ xe máy Wave BKS 17B1-632.49- trị giá 10.500.000 đồng); Trần Văn T3 (chủ xe máy Wave BKS 20F1-178.28 – trị giá 12.300.000 đồng) chưa nhận lại được tài sản nên yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về số tài sản đã bị mất theo kết luận định giá. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của các bị hại là có căn cứ nên được chấp nhận và xem xét giải quyết. Các tài sản bị mất trộm đều do các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, Vũ Văn Đ và 02 đối tượng khác (chưa xác định được lai lịch) thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội, các bị cáo T, T1, Đ đều cùng nhau bàn bạc và thực hiện việc trộm cắp nên trong 2 lần trộm cắp này các bị cáo có vai trò ngang nhau.

Cụ thể:

[23] Các bị cáo T, T1, Đ phải liên đới bồi thường cho anh Thân Đức B số tiền 13.750.000 đồng, chia kỷ phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền: 13.750.000 : 3 = 4.583.333 đồng

[24] Các bị cáo T, T1, Đ phải liên đới bồi thường cho anh Trần Xuân T4 số tiền 10.500.000 đồng, chia kỷ phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền: 10.500.000 : 3 = 3.500.000 đồng

[25] Các bị cáo T, T1, Đ phải liên đới bồi thường cho anh Trần Văn T3 số tiền 12.300.000 đồng, chia kỷ phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền: 12.300.000 : 3 = 4.100.000 đồng

[26] + Anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức T6 và Lương Văn C là những người mua xe của nhóm Đ, các xe máy này đã được trả lại cho các bị hại nên những người liên quan yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mà họ đã bỏ ra để mua xe. Hội đồng xét xử xét thấy, những người liên quan khi mua xe không biết rõ nguồn gốc xem đã chủ động tới Cơ quan điều tra giao nộp xe máy tang vật để phục vụ điều tra, các yêu cầu của những người liên quan là có căn cứ nên được chấp nhận và xem xét giải quyết; cụ thể:

[27] Đối với yêu cầu của anh Lương Văn C đã mua chiếc xe máy Yamaha Exciter BKS 36G1-29415 do các bị cáo Đ, T1, T, T2 trộm cắp với giá 10.500.000 đồng. Số tiền bán xe các bị cáo đã chia nhau như sau: Bị cáo Đ hưởng 4.000.000 đồng, bị cáo T2 hưởng 5.000.000 đồng; bị cáo T, T1 mỗi người hưởng 500.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lương Văn C, buộc các bị cáo Đ, T1, T, T2 phải liên đới bồi thường số tiền 10.500.000 đồng, chia kỷ phần: Bị cáo Đ phải bồi thường 4.000.000 đồng, bị cáo T2 bồi thường 5.000.000 đồng; bị cáo T, T1 mỗi bị cáo bồi thường 500.000 đồng.

[28] Đối với các yêu cầu của anh Nguyễn Đức T6 đã mua chiếc xe máy Wave BKS 36B6-234.21; anh Nguyễn Văn H đã mua chiếc xe Wave BKS 23B1-465.14 đều do các bị cáo Đ, T1, T và 02 đối tượng không rõ lai lịch trộm cắp với

giá 4.900.000 đồng/xe. Số tiền này các bị cáo cùng nhau sử dụng một phần và chia nhau (bị cáo Đ được chia nhiều hơn bị cáo T và T1). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các anh T6 và H buộc các bị cáo Đ, T1, T phải liên đới bồi thường tổng số tiền 9.800.000 đồng, chia kỷ phần: Bị cáo Đ bồi thường 3.400.000 đồng; bị cáo T1, T mỗi bị cáo bồi thường 3.200.000 đồng.

- *Về xử lý vật chứng:*

[29] Đối với điện thoại Nokia màu hồng ghi thu của Vũ Văn Đ; 03 điện thoại (gồm 01 điện thoại NOKIA màu đen trắng, 01 điện thoại NOKIA màu đen, 01 điện thoại IPHONE 7 Plus) đều thu giữ của Lê Văn T; 02 điện thoại (gồm 01 điện thoại OPPO trắng, ghi; 01 điện thoại SAMSUNG A8 màu đen) thu giữ của Nguyễn Minh T1: Các bị cáo đều sử dụng điện thoại để liên lạc với nhau liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[30] Đối với 01 ví da màu xám có chữ "Mont Blanc"; 01 căn cước công dân và giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T thu giữ của bị cáo Lê Văn T; 01 ví da có chữ "Prada"; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Minh T1; 01vé gửi xe thu giữ của bị cáo Nguyễn Minh T1: Đây là tài sản và giấy tờ cá nhân các bị cáo T, T1 không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo. Đối với số tiền 1.723.000 đồng thu giữ của bị cáo T và số tiền 5.500.000 đồng thu giữ của bị cáo T1: Số tiền này là tài sản cá nhân của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[31] Đối với 01 chiếc xe máy Jupiter màu đỏ BKS 98N9 – 3118 của Nguyễn Minh T1: Không liên quan nên trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo Nguyễn Minh T1

[32] Đối với 01 hộp nhựa màu vàng có chứa kìm thủy lực thu của bị cáo T2, các bị cáo sử dụng phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

[33] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Balde màu đen BKS 15B3-316.16 thu giữ khi bắt bị cáo Bùi Như T2: Chiếc xe này do bị cáo Vũ Văn Đ đăng ký, bị cáo Đ sử dụng chiếc xe này để đi trộm cắp tài sản, xét vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, phát mại sung quỹ Nhà nước.

- *Về án phí và quyền kháng cáo*:

[34] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm; các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Vũ Văn Đ; xử phạt: 05 (Năm) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2019

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Lê Văn T; xử phạt: 04 (Bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2019

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Minh T1; xử phạt: 04 (Bốn) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2019

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Bùi Như T2; xử phạt: 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 23/8/2019

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 585; 587; 589 Bộ luật Dân sự 2015;

- Đối với yêu cầu bồi thường của các bị hại Thân Đức B, Trần Xuân T4, Trần Văn T3:

+ Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, Vũ Văn Đ phải liên đới bồi thường cho anh Thân Đức B số tiền 13.750.000 (Mười ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, chia kỷ phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền: 4.583.333 (Bốn triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng.

+ Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, Vũ Văn Đ phải liên đới bồi thường cho anh Trần Xuân T4 số tiền 10.500.000 (Mười triệu, năm trăm nghìn) đồng, chia kỷ phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền: 3.500.000 (Ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.

+ Các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, Vũ Văn Đ phải liên đới bồi thường cho anh Trần Văn T3 số tiền 12.300.000 (Mười hai triệu, ba trăm nghìn) đồng, chia kỷ phần, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền: 4.100.000 (Bốn triệu, một trăm nghìn) đồng.

- Đối với yêu cầu bồi thường của những người có quyền lợi liên quan đến vụ án là anh Lương Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đức T6

+ Buộc các bị cáo Vũ Văn Đ, Nguyễn Minh T1, Lê Văn T phải liên đới bồi thường số tiền 4.900.000 (Bốn triệu, chín trăm nghìn) đồng cho anh Nguyễn Văn H; chia kỷ phần: Bị cáo Vũ Văn Đ phải bồi thường 1.700.000 (Một triệu, bảy trăm nghìn) đồng, bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, mỗi bị cáo bồi thường 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

+ Buộc các bị cáo Vũ Văn Đ, Nguyễn Minh T1, Lê Văn T phải liên đới bồi thường số tiền 4.900.000 (Bốn triệu, chín trăm nghìn)đồng cho anh Nguyễn Đức T6; chia kỷ phần: Bị cáo Vũ Văn Đ phải bồi thường 1.700.000 (Một triệu, bảy trăm nghìn) đồng, bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, mỗi bị cáo bồi thường 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

+ Buộc các bị cáo Vũ Văn Đ, Nguyễn Minh T1, Lê Văn T, Bùi Như T2 phải liên đới bồi thường số tiền 10.500.000 (Mười triệu, năm trăm nghìn) đồng cho anh Lương Văn C; chia kỷ phần: Bị cáo Vũ Văn Đ phải bồi thường 4.000.000 (Bốn triệu) đồng, bị cáo Bùi Như T2 bồi thường 5.000.000 (Năm triệu) đồng; bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, mỗi bị cáo bồi thường 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày các bị hại và những người có quyền lợi liên quan đến vụ án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu, phát mại, sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) điện thoại Nokia màu hồng ghi thu của Vũ Văn Đ; 01 (Một) điện thoại NOKIA màu đen trắng, 01 (Một) điện thoại NOKIA màu đen, 01 (Một) điện thoại IPHONE 7 Plus; 01 (Một) điện thoại OPPO trắng, ghi; 01 (Một) điện thoại SAMSUNG A8 màu đen; 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Balde màu đen BKS 15B3-316.16

Trả lại cho bị cáo Lê Văn T: 01 (Một) ví da màu xám có chữ "Mont Blanc"; 01 (Một) căn cước công dân và giấy phép lái xe mang tên Lê Văn T

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T1: 01 (Một) ví da có chữ "Prada"; 01 (Một) căn cước công dân mang tên Nguyễn Minh T1; 01(Một) vé gửi xe

Trả lại cho bị cáo Lê Văn T: Số tiền 1.723.000 (Một triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn) đồng, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh T1: Số tiền 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng và 01 (Một) chiếc xe máy Jupiter màu đỏ BKS 98N9 – 3118, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (Một) hộp nhựa màu vàng và 01kìm thủy lực

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản bàn giao vật chứng ngày 29/11/2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng và Biên lai thu tiền số 0003958 ngày 29/11/2019 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Minh T1, mỗi bị cáo phải nộp 794.166 (Bảy trăm chín mươi tư triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; bị cáo Vũ Văn Đ phải nộp 979.166 (Chín trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng; bị cáo Bùi Như T2 phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại và những người có quyền lợi liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 – TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thiệm